| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 293/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2023
v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Nguyên Khang là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 130/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1979 (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Mai Trọng V, sinh năm: 1979 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Cùng địa chỉ: Số 9/19 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Mai Trọng V tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: thị trấn Hà Lam đến năm 2018 thì chuyển về sinh sống tại địa chỉ: Số 9/19 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống được khoảng 10 năm thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V không có trách nhiệm với gia đình, để bà một thân một mình lo cho con cái gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân 3 năm nay, phần ai nấy sống. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên

bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Mai Trọng V.

*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Kim A xác định vợ chồng bà có 03 con chung tên Mai Anh T, sinh ngày: 30/3/2002; Mai Trọng Đ, sinh ngày: 31/10/2003 và Mai Đoan T1, sinh ngày: 19/5/2012. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Đoan T1 và không yêu cầu ông Mai Trọng V cấp dưỡng nuôi con. Cháu Mai Anh T và Mai Trọng Đ đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà Ađề nghị ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng do hiện nay bà không có việc làm và bà còn phải chăm sóc cháu ngoại.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Kim A xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Mai Trọng V :* Mặc dù ông Mai Trọng V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Mai Trọng V vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A đối với ông Mai Trọng V.

*Về con chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Mai Đoan T1, sinh ngày: 19/5/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng và ông Mai Trọng V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Cháu Mai Anh T, sinh ngày: 30/3/2002; Mai Trọng Đ, sinh ngày: 31/10/2003 đã thành niên nên đề nghị HĐXX không xem xét.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Kim A xác định tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2023 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn để xin ly hôn và nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Mai Trọng V có địa chỉ tại: Số 9/19 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn ông Mai Trọng V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V .

*Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Mai Trọng V tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99, quyển số 01/2001, đăng ký ngày 12/12/2001. Do đó, hôn nhân giữa ông Mai Trọng V và bà Nguyễn Thị Kim A là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A, HĐXX nhận thấy: Theo biên bản xác minh ngày 19/7/2023 tại nơi cư trú của ông V và bà Athể hiện địa phương không nắm rõ tình trạng quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, khi bà Anộp đơn khởi kiện và được hòa giải viên mời hòa giải nhưng ông Mai Trọng V vắng mặt. Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Mai Trọng V vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông Mai Trọng V bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim A. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Mai Trọng V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Mai Trọng V.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định vợ chồng có 03 con chung tên Mai Anh T, sinh ngày: 30/3/2002; Mai Trọng Đ, sinh ngày: 31/10/2003 và Mai Đoan T1, sinh ngày: 19/5/2012. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Đoan T1, sinh ngày: 19/5/2012 và yêu cầu ông Mai Trọng V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

[5.1] Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Theo bản tự khai của cháu Mai Đoan T1 thể hiện nguyện vọng của

cháu là muốn ở với mẹ. Hơn nữa bản thân cháu là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ trong quá trình trưởng thành. Vì vậy, việc giao cháu Mai Đoan T1 cho bà Nguyễn Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của cháu. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A về việc giao con chung Mai Đoan T1 cho bà Nguyễn Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng.

[5.2] Đối với yêu cầu buộc ông Mai Văn Thành cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng: HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu là phù hợp cho việc nuôi dưỡng, học hành, nhu cầu thiết yếu của con chung. Do đó, căn cứ Điều 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Avề mức cấp dưỡng nuôi con.

[5.3] Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Mai Trọng V và bà Nguyễn Thị Kim A đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5.4] Cháu Mai Anh T, sinh ngày: 30/3/2002; Mai Trọng Đ, sinh ngày: 31/10/2003 đã thành niên nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Mai Trọng V phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A đối với ông Mai Trọng V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Mai Trọng V .

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99, quyển số 01/2001, đăng ký ngày

12/12/2001 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam)

2. Về con chung: Giao con chung Mai Đoan T1, sinh ngày: 19/5/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Trọng V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định tự thỏa thuận.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000620 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Kim A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Mai Trọng V phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND tt.Hà Lam;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký tên và đóng dấu**

**Ngô Thị Thanh Tuyền**